

TĂNG CƯỜNG NGHIÊN CỨU PHƯƠNG THỨC TƯ DUY, PHÁT HUY NĂNG LỰC SÁNG TẠO TRIẾT HỌC^(*)

TRẦN TRUNG LẬP

Trên cơ sở khẳng định vai trò to lớn của phương thức tư duy đối với sự phát triển xã hội, trong bài viết này, tác giả đã phân tích mối quan hệ tương hỗ giữa phương thức tư duy và phát triển xã hội, coi đổi mới phương thức tư duy là điều kiện cần thiết để thúc đẩy xã hội phát triển. Theo tác giả, hiện nay, sự phát triển của khoa học kỹ thuật cũng như những mặt trái giữa thực tiễn sản xuất và thực tiễn khoa học đặt ra nhu cầu bức thiết phải đổi mới phương thức tư duy. Tuy nhiên, sự tối ưu hoá phương thức tư duy nhất thiết phải là một quá trình.

Nhìn từ góc độ nhận thức luận về triết học thì tất cả hoạt động sáng tạo của con người đều bắt nguồn từ sự thay đổi, đổi mới và tối ưu hoá. Do vậy, chúng ta cần phải nghiên cứu kỹ phương thức tư duy để phát huy tốt hơn năng lực sáng tạo triết học.

Phương thức tư duy, nhìn từ góc độ nhận thức luận, là sự tổng hoà giữa xu thế nhận thức và mô thức vận hành nhận thức của con người. Xu thế nhận thức chỉ một kiểu tình thế bắt đầu trước hoạt động nhận thức, là một trạng thái ý thức của chủ thể, như kết cấu chức năng của tư duy, ý đồ nhận thức, trạng thái tâm linh của nhận thức. Mô thức vận hành nhận thức chỉ phương pháp, lôgic, đường lối, công thức trong quá trình vận hành nhận thức.

Trước đây, “phương thức tư duy” bị mọi người phủ định hoặc xem nhẹ. Ngày nay, vô vàn sự thực đã chứng minh rằng, phương thức tư duy tồn tại một cách khách quan trong trí óc của mỗi chủ thể nhận thức. Không có phương thức tư duy thì chủ thể nhận thức sẽ không thể tiến hành được hoạt động nhận thức.

1. Do vậy, phương thức tư duy có vai trò lớn đối với sự phát triển xã hội, muốn cho

thực tiễn xã hội có thể thống nhất với lợi ích của nhân loại thì chúng ta phải hết sức chú ý đến phương thức tư duy, đồng thời phải nghiên cứu nó một cách nghiêm túc.

Đối với những người theo chủ nghĩa duy vật, phương thức tư duy không phải là cái tiên nghiệm mà là cái phát sinh sau. Thực tiễn xã hội là cơ sở nảy sinh phương thức tư duy. Sự phát sinh phương thức tư duy bất luận của loài hay của cá thể cũng đều giống nhau. Nhưng xét về chủ thể nhận thức, chủ thể thực tiễn, chủ thể giá trị cụ thể và ngay cả hoạt động nhận thức và hoạt động thực tiễn cụ thể thì phương thức tư duy lại là cái có trước. Chính đặc tính này của phương thức tư duy khiến nó có vị trí riêng “trước tiên lấy con người làm chủ”, từ đó nhận thức và hoạt động thực tiễn, ngay cả đối với xu hướng giá trị và thực hiện con đường giá trị, cũng đều có vai trò riêng. Điều đó nói lên rằng, phương thức tư duy và phát triển xã hội có quan hệ mật thiết mang tính nội tại, bản chất và tương hỗ.

Mối quan hệ tương hỗ giữa phương thức tư duy và phát triển xã hội chủ yếu có 2

^(*) Bài viết đăng trong cuốn *Hãy để triết học hướng dẫn xã hội tiến bộ*, xuất bản lần 1 năm 2004, Nxb Trường Đảng Trung ương Trung Quốc

mặt sau:

Trước hết, mức độ (tình hình) và đặc điểm của sự phát triển xã hội quyết định kết cấu và trạng thái của phương thức tư duy. Ví dụ, xã hội du mục, xã hội nông nghiệp, xã hội công nghiệp, xã hội hậu công nghiệp... là những giai đoạn khác nhau trong quá trình phát triển của xã hội loài người, chúng đều có đặc điểm riêng. Sự phát triển đó nhất thiết phải trải qua một quá trình quanh co phức tạp, thông qua hoạt động tư duy (bao gồm số ít và số nhiều) của con người, tích tụ lại và hình thành một loại phương thức tư duy riêng ứng với mỗi một giai đoạn. Ví dụ, từ sau những năm 40 của thế kỷ XVI, chính sự phát triển khoa học tự nhiên dẫn đến hình thành “phương thức tư duy của triết học siêu hình” trong giới khoa học và giới triết học. Cùng với sự phát triển tiến bộ của khoa học tự nhiên, phương thức tư duy này cũng dần dần lùi vào lịch sử và được thay thế bởi một kiểu phương thức tư duy mới phù hợp hơn với sự phát triển khoa học tự nhiên. Đúng như Ph.Ăngghen đã chỉ rõ: tư duy lý luận của mỗi một thời đại kể cả tư duy lý luận của thời đại chúng ta đều là một loại sản phẩm của lịch sử, trong thời đại khác nhau thì nó có hình thức khác nhau, đồng thời cũng có nội dung khác nhau. Do vậy, cũng giống như các khoa học khác, khoa học về tư duy là một loại khoa học lịch sử, là khoa học về lịch sử phát triển tư duy của con người.

Chính vì thế, suy ngược lại từ phương thức tư duy của con người chúng ta cũng có thể nhìn thấy các giai đoạn phát triển xã hội. Ví dụ, xét theo tầng thứ của phương thức tư duy triết học thì những phương thức tư duy, như phương thức tư duy của chủ nghĩa duy vật và phép biện chứng thô sơ, phương thức tư duy của chủ nghĩa duy tâm, phương thức tư duy của chủ nghĩa

duy vật máy móc, **phương thức tư duy** của chủ nghĩa duy vật **biện chứng** đều phản ánh mặt này hay mặt khác của các giai đoạn khác nhau của sự phát triển xã hội. Hơn nữa, trong cuộc sống **hiện thực**, chúng ta thường nghe những câu nói như “Cách nghĩ của anh đúng là của **chủ nghĩa phong kiến**”, “Cách nghĩ của anh đúng là của người tiểu nông”. Kỳ thực đó là nói đến cách nhìn nhận vấn đề hay là nói đến “phương thức tư duy của chủ nghĩa phong kiến” và “phương thức tư duy của kinh tế tiểu nông”. Hiện nay, phương thức tư duy kiểu này đã không còn tương xứng với yêu cầu phát triển xã hội. Điều đó, **một mặt**, chứng minh tính độc lập tương đối và sức ý của phương thức tư duy cũ; **mặt khác**, cho thấy trong xã hội hiện thực vẫn còn đất cho sự tồn tại của phương thức tư duy cũ.

Nhìn từ góc độ nhận thức luận, thành quả tinh thần trong thực tiễn xã hội, thì việc tích tụ phương thức tư duy trong tư duy con người càng quan trọng hơn, càng có giá trị hơn việc có được tri thức cụ thể. Tri thức cụ thể là kết quả của hoạt động nhận thức đã qua, là cái đối mặt với quá khứ; phương thức tư duy lại không chỉ đối mặt với quá khứ, mà quan trọng hơn, nó còn đối mặt với tương lai. Tuy nhiên, tri thức cụ thể cũng có tác dụng đối với nhận thức tương lai, nhưng tác dụng này chỉ được phát huy thông qua phương thức tư duy. Do vậy, nhận thức luận càng cần phải coi trọng khảo sát và nghiên cứu những thành quả của sự phát triển xã hội, khái quát chúng thành quá trình, đặc điểm và quy luật của phương thức tư duy của con người, nghiên cứu làm thế nào để tối ưu hoá phương thức tư duy.

Thứ hai, phương thức tư duy có tác dụng lớn đối với sự phát triển xã hội (hoặc gọi là có tác động trở lại). Đó chính là nói đến mối quan hệ giữa phương thức tư duy

và phát triển xã hội: sự phát triển xã hội không chỉ quyết định sự thay đổi, phát triển của phương thức tư duy theo một chiều, mà phương thức tư duy cũng có ảnh hưởng đối với tiến trình phát triển xã hội. Sở dĩ có tình hình đó là do tính độc lập tương đối của phương thức tư duy. Sau khi hình thành và nếu được mọi người đón nhận rộng rãi, một kiểu phương thức tư duy sẽ có tính độc lập tương đối của nó. Tính độc lập tương đối này được biểu hiện ra thông qua tác dụng trở lại trên cơ sở thực tiễn. Nếu xét phương thức tư duy nói chung của phát triển xã hội, thì tính độc lập tương đối này sẽ thể hiện tác dụng trở lại của nó đối với phát triển xã hội. Tác dụng trở lại này biểu hiện trên hai phương diện: *thứ nhất*, có vai trò rất lớn trong việc thúc đẩy phát triển xã hội. Một kiểu phương thức tư duy mới tương đối phù hợp với sự phát triển xã hội, như một lẽ tự nhiên, sẽ đáp ứng được yêu cầu phát triển xã hội. Sử dụng phương thức tư duy mới trong nhận thức và xử lý vấn đề sẽ phù hợp hơn với thực tiễn khách quan và do đó, phát huy được vai trò của nó nhằm thúc đẩy xã hội không ngừng phát triển tiến lên. *Thứ hai*, nó có thể kìm hãm sự phát triển xã hội. Mỗi loại phương thức tư duy tuy đã từng có vai trò tích cực trong lịch sử, nhưng khi xã hội đã phát triển mạnh, nó có thể không còn phù hợp nữa, trở nên lạc hậu và vẫn tồn tại lâu dài trong đầu óc con người. Cái gọi là “bộ óc cũ” chính là trường hợp này. Nếu xem xét vấn đề và làm việc theo phương thức tư duy kiểu này thì sẽ cản trở và gây ảnh hưởng xấu đến sự phát triển của xã hội.

Gần đây, trong bài viết *Sự hùng mạnh của cải cách Trung Quốc*, Ngô Tác Đông - Thủ tướng Singapore đã viết một câu rất hay khiến mọi người rất vui mừng: “Tôi cho rằng, chúng ta cần coi Trung Quốc là cơ hội

chứ không phải là mối đe dọa. Nếu chúng ta coi Trung Quốc là mối đe dọa, chúng ta sẽ sợ đến nỗi không dám nổ súng. Nhưng nếu chúng ta coi Trung Quốc là cơ hội, thì chúng ta sẽ có vô vàn ý tưởng sáng tạo để phát triển mạnh nhân lúc Trung Quốc đang trên đà phát triển”. Câu nói thật tuyệt vời! Ngô Tác Đông đã vạch rõ một chân lý: phương thức tư duy khác nhau có thể sinh ra hiệu quả hoàn toàn khác nhau. Đối với sự phát triển xã hội mà nói, thì một phương thức tư duy tốt là phương thức tư duy chứa đựng động lực, khả năng sáng tạo mới, mang lại hiệu quả kinh tế, tài sản và hạnh phúc cho con người.

Tóm lại, giữa phát triển xã hội và phương thức tư duy có mối quan hệ tương hỗ hoặc là kìm hãm nhau, hoặc là thúc đẩy nhau. *Một mặt*, sự phát triển xã hội quyết định phương thức tư duy của con người; *mặt khác*, phương thức tư duy của con người lại có tác dụng trở lại rất lớn đối với tiến trình phát triển xã hội.

Chính vì phương thức tư duy có vai trò to lớn đối với sự phát triển xã hội nên những người mácxít đã đặc biệt coi trọng sự thay đổi và làm tối ưu hoá phương thức tư duy của con người. Khi vạch rõ tính giới hạn trong phương thức tư duy của triết học siêu hình, Ph.Ăngghen đã khẳng định rằng, phải “học tư duy theo cách biện chứng”. Trong thời kỳ Trung Quốc mới cải cách, mở cửa, Đặng Tiểu Bình đã nhiều lần nhấn mạnh phải giải phóng tư tưởng. Thực chất của việc giải phóng tư tưởng chính là đòi hỏi con người phải thay đổi phương thức tư duy, phải xoá bỏ những cái không phù hợp với sự phát triển xã hội, thậm chí những “cái cũ kỹ” làm cản trở xã hội phát triển, đồng thời thiết lập một phương thức tư duy mới có lợi cho sự phát triển xã hội. Khi con người thay đổi phương thức tư duy để xem xét vấn đề, thì nhận thức vốn có sẽ

bị phá bỏ, sẽ mở ra một chân trời mới của nhận thức. Chân trời mới này sẽ kích thích con người lợi dụng nó, khai thác nó, từ đó mở ra con đường rộng rãi cho sự phát triển thực tiễn xã hội. Do vậy, thay đổi phương thức tư duy thường trở thành sự hướng dẫn để xã hội thay đổi và phát triển.

2. Sự phát triển mạnh mẽ của khoa học - kỹ thuật đòi hỏi có một phương thức tư duy mới.

Khoa học - kỹ thuật là tiêu chí phát triển của thời đại, đồng thời là cơ sở trực tiếp nhất của phương thức tư duy. Đặc biệt, về mặt nhận thức đối với thế giới tự nhiên và nền sản xuất vật chất xã hội, việc phương thức tư duy của con người được quyết định bởi trình độ phát triển của khoa học - kỹ thuật biểu hiện ngày càng rõ ràng.

Khi nói đến phương thức tư duy của chủ nghĩa duy vật, Ph.Ăngghen từng chỉ rõ, chủ nghĩa duy vật thế kỷ XVIII chủ yếu là chủ nghĩa duy vật máy móc, nó tương đối phù hợp với trình độ của khoa học tự nhiên thời đó. Do vậy, thời đó trong tất cả các môn khoa học tự nhiên chỉ có cơ học, cụ thể là cơ học chất rắn (trên vũ trụ và dưới mặt đất) đạt đến bước hoàn thiện nào đó. Khi đó, hoá học mới ở hình thái nguyên sơ, non nớt. Sinh vật học vẫn còn trong vỏ bọc, đối với cơ thể thực vật và động vật thì cũng chỉ có nghiên cứu qua loa và được giải thích bằng những nguyên nhân máy móc thuần tuý. Thế kỷ XVIII, có nhà duy vật chủ nghĩa ở Pháp thậm chí lấy tiêu đề "*Người là máy móc*" cho tác phẩm của mình. Tóm lại, cái gì cũng được lý giải từ "máy móc". Do vậy, phương thức tư duy của chủ nghĩa duy vật máy móc là "phương thức tư duy của triết học siêu hình". Mặc dù được đánh giá là tiên tiến hơn nhiều so với phương thức tư duy triết học của chủ nghĩa duy vật đơn sơ thời cổ đại, nhưng tính giới hạn của

nó đã nhanh chóng lộ rõ trong quá trình phát triển của khoa học tự nhiên.

Ph.Ăngghen nói: "**Chủ nghĩa duy vật hiện đại có bản chất là biện chứng**". Tư duy biện chứng hiện đại này là từ "**Thuyết Tinh vân (nebula)**" của Kant "**mở ra sự khởi đầu về quan niệm của phương thức tư duy triết học siêu hình**". Đầu thế kỷ XIX, không chỉ thiên văn học có tiến triển rất lớn, mà các môn khoa học khác, như vật lý học, hoá học, sinh vật học cũng có rất nhiều phát hiện mới và phát triển. Ví dụ, sinh vật học chứng minh sự diệt vong không phải là việc trong nháy mắt, mà là một quá trình rất dài. Cũng như vậy, bất kỳ một thể hữu cơ, trong mỗi nháy mắt vừa là chính nó, vừa không phải là nó... Những quá trình này và phương pháp tư duy mà khoa học đã phát hiện đều không nằm trong phạm vi của phương thức tư duy triết học siêu hình. Chỉ có phương pháp biện chứng mới có thể thích ứng và tận dụng được sự phát triển của khoa học. Tư duy biện chứng của triết học Đức cận đại do Kant gợi mở đã đạt được sự hoàn thiện trong hệ thống của Hêghen. Ph.Ăngghen đã ca ngợi "phương thức tư duy biện chứng" của Hêghen. Tóm lại, phương thức tư duy của chủ nghĩa duy vật phát triển theo sự phát triển của khoa học tự nhiên.

Như chúng ta đã nói ở trên, về tổng thể, tuy nói rằng thực tiễn xã hội quyết định phương thức tư duy của con người, nhưng ngược lại, phương thức tư duy cũng có ảnh hưởng rất lớn đối với sự phát triển thực tiễn xã hội. Sự thực đúng là như vậy, "phương thức tư duy biện chứng" được hình thành ở thế kỷ XIX đóng vai trò thúc đẩy mạnh mẽ sự phát triển của khoa học trong thế kỷ XX.

Đối với những thành tựu khoa học của thế kỷ XX, người ta thường dùng hình dung từ để miêu tả, như "tiến nhanh và

vật”, “huy hoàng”, “nhảy xa”, “tốc độ mạnh”, “thay đổi long trời lở đất”. Tôi nghĩ rằng, những từ ngữ trau chuốt này có phần hơi quá. Thực ra, thành tựu có được trong nghiên cứu khoa học của thế kỷ XX, bất luận về chiều rộng, chiều sâu, độ kỹ lưỡng hay về tốc độ đều không thể so sánh với bất kỳ một thế kỷ nào trước đây.

Đối với thành tựu khoa học của thế kỷ XX, cần phải khái quát nó từ những khía cạnh nào, tổng kết nó như thế nào? Đối với vấn đề này, mỗi người đều có cách nhìn nhận riêng. Ở đây, chúng ta không thờ ơ và cũng không có năng lực tổng kết mang tính toàn diện, mà chỉ có thể chứng minh rằng, sự phát triển nhanh chóng của khoa học - kỹ thuật trong thế kỷ XX là hoạt động sáng tạo mà con người đáng tự hào nhất, là một trong những hoạt động thực tiễn xã hội lớn nhất đáng để chúng ta tổng kết tỷ mỉ.

Không còn nghi ngờ gì, “phương thức tư duy biện chứng” mà thế kỷ XIX để lại, cũng như một số thành tựu đạt được đã đóng vai trò hướng dẫn và giải phóng tư tưởng. Hạt nhân của phương thức tư duy biện chứng chính là sự phát triển liên hệ phổ biến. Nó nhìn nhận tất cả mọi việc trên thế giới đều là quá trình. Do vậy, nó rất coi trọng sự thay đổi, sáng tạo, phát triển, phản đối sự bảo thủ và lạc hậu. Khoa học của thế kỷ XX phát triển mạnh bắt đầu từ cách mạng vật lý học của G. Galile đến hệ thống vật lý học cổ điển mà Newton hoàn thành. Nó chi phối tư tưởng của con người không chỉ trong vật lý học, mà trong toàn bộ các lĩnh vực khoa học, kể cả trong lĩnh vực triết học suốt gần 300 năm qua. Lúc đó, việc đánh giá thành quả nghiên cứu của các môn học có phải là khoa học, có chính xác không,... đều phải xem chúng phù hợp hay mâu thuẫn với lý luận của Newton. Mãi đến năm 1895, khi Wilhelm Konrad Rontgen phát hiện tia X quang, đặc biệt là khi

Anhxtanh đưa ra thuyết tương đối theo nghĩa hẹp (1905), thuyết tương đối theo nghĩa rộng (1915) và từ năm 1923 đến năm 1926, nhiều nhà vật lý học trẻ tuổi đã xây dựng cơ học lượng tử, lúc đó địa vị thống trị của lý luận Newton mới bị đánh đổ. Đây chính là cuộc cách mạng vật lý học của thế kỷ XX. Vì, nó “làm cho nhận thức của con người về vật chất, năng lượng, không gian, thời gian, vận động và tính nhân quả, có sự thay đổi căn bản; từ đó, con người đi đến nhận thức khái quát rằng, bất kỳ lý luận khoa học nào cũng đều có sự thay đổi”. “Đi đầu là cuộc cách mạng vật lý học, hoá học, thiên văn học, các khoa học về Trái đất cũng đã xuất hiện lý luận mang tính cách mạng, như lý luận về nguyên tử và phân tử, lý luận về sự thay đổi thiên thể, lý luận về ngôi nổ lớn, lý luận về sự dao động và bản khối của đại lực... Trong lĩnh vực sinh vật học, việc xây dựng sinh học phân tử đã làm sáng tỏ bí mật di truyền, tạo nên sự đột phá mang tính cách mạng có ý nghĩa vượt thời đại”. Ngoài ra, từ thế kỷ XX đến nay, đã xuất hiện hàng loạt các ngành khoa học giao thoa (khoa học liên ngành). Đặc biệt là sau những năm 40 của thế kỷ XX, các ngành khoa học, như điều khiển học nói chung, thuyết thông tin, thuyết hệ thống, thuyết đột biến, thuyết siêu tuần hoàn, thuyết phối hợp, thuyết hỗn độn xuất hiện ồ ạt. Tất cả những lý thuyết đó đều không nằm trong hệ thống lý luận của Newton. Do vậy, có học giả đã xem sự phát triển của khoa học trong thế kỷ XX là quá trình phi Newton hoá. Thuyết tương đối, cơ học lượng tử và thuyết hỗn độn là ba sự kiện đáng được ghi chép vào sử sách khoa học của thế kỷ XX, là ba lần cách mạng vĩ đại xoá bỏ tính ngưỡng vật lý học của Newton. Đúng như một nhà vật lý học đã từng nói: “Thuyết tương đối đã làm vỡ tan ảo giác về không gian và thời gian tuyệt đối

của học thuyết Newton, cơ học lượng tử làm vỡ tan ảo tưởng có thể điều khiển được quá trình trắc lượng của học thuyết Newton, và thuyết hỗn độn đã làm vỡ tan mộng tưởng được dự đoán trong thuyết quyết định của Laplace Pierre Simon”.

Bước chân khoa học mãi mãi không dừng lại. “Trong gần 20 năm, thuyết hỗn độn đã làm lung lay cơ sở khoa học, nó làm cho con người nhận thức được rằng, quy luật động lực học cực kỳ giản đơn có thể dẫn đến biểu hiện hành vi cực kỳ phức tạp, ví như cảm thụ về cái đẹp có thể sinh ra vô số mảnh vỡ nhỏ li ti... nhưng chính thuyết hỗn độn vẫn không thể giải thích được kết cấu và lực liên kết bên trong của hệ thống phức tạp”. Do vậy, khoa học mang tính phức tạp này gặp thời cơ phát triển. Bởi hệ thống phức tạp có năng lực hoà nhập giữa trật tự và hỗn độn vào trong sự cân bằng đặc thù nào đó. “Điểm cân bằng của nó ----- lại thường được gọi là liên ngành hỗn độn ----- là các nhân tố trong một hệ thống vô hình trung lại đứng yên trong một trạng thái nào đó, nhưng cũng không dao động ở nơi nào khác. Liên ngành hỗn độn chính là sinh mạng có đủ tính ổn định để nâng đỡ sự tồn tại của chính mình, và cũng có đủ tính sáng tạo làm cho danh tiếng của mình bay xa; nó là nơi để cho tư tưởng mới và gen di truyền dần dần lấn chiếm liên ngành hiện trạng. Chính vì thế làm cho phái bảo thủ ngoan cố nhất cuối cùng cũng sẽ bị lật đổ”. “Phức hợp” là môn học liên ngành được sinh ra bởi trật tự và hỗn độn, đây là một môn học rất mới, nhưng phạm vi của nó rất rộng, thậm chí các nhà khoa học cũng không biết được ranh giới của nó, cũng không ai hoàn toàn hiểu được làm thế nào để định nghĩa nó một cách chính xác. “Nhưng, đây chính là tất cả sự tồn tại có ý nghĩa của nó. Nếu như nói, hiện nay, lĩnh vực nghiên cứu khoa học phức tạp vẫn

chưa thể hiện rõ, đó là một thứ mà lĩnh vực nghiên cứu này có ý định giải đáp là những vấn đề vượt cả môn học bình thường khác không thể giải đáp được”. Nhưng, hiện nay càng có nhiều nhà khoa học tin rằng, thuyết phức hợp sẽ là môn khoa học soi chiếu vào tự nhiên và con người. Họ tin tưởng rằng, nó đang công phá mạnh mẽ từ thời đại của Newton đến nay và vẫn đang thống trị phương thức tư duy của thuyết hoàn nguyên một cách khoa học. Nó sẽ là “khoa học của thế kỷ XXI”.

Sau khi bước vào thế kỷ XX, khoa học - kỹ thuật cũng được phát triển mạnh. Trước hết, là sự phát triển mạnh mẽ của ngành điện lực và ngành ô tô, tiếp theo là sự hưng thịnh của kỹ thuật điện tử và kỹ thuật hàng không. Sau Đại chiến thế giới thứ hai, một số lĩnh vực, như thông tin, năng lượng, vật liệu lại đang trên đà phát triển. Đặc biệt, sự phát triển của máy tính tạo cơ sở cho sự phát triển kỹ thuật thông tin đang trên đà đi lên. Hơn nữa, sự phát triển khoa học - kỹ thuật ảnh hưởng trực tiếp đến đời sống xã hội của con người. Có người nói, chúng ta đã bước vào một xã hội thông tin hoá. Dưới tác động của thông tin hoá, toàn cầu hoá là điều tất nhiên. Và lại, nó sẽ không chỉ dừng lại ở lĩnh vực kinh tế, mà đối với các lĩnh vực khác, như chính trị, quân sự, văn hoá, giáo dục cũng sẽ chịu ảnh hưởng sâu sắc, thậm chí dẫn đến những thay đổi đặc biệt to lớn. Do vậy, trong quá trình toàn cầu hoá sẽ có đầy rẫy mâu thuẫn và đấu tranh.

Tóm lại, khoa học - kỹ thuật của thế kỷ XX đã có những thành tựu đáng kinh ngạc. Nó ảnh hưởng sâu sắc đến phương thức sống, phương thức hành vi, phương thức giao tiếp của con người, đồng thời cũng làm thay đổi và đòi hỏi thay đổi phương thức tư duy của con người; đặc biệt, sự hưng thịnh

của khoa học mang tính phức hợp càng đòi hỏi phải có một phương thức tư duy mới. Vậy, phương thức tư duy mới phải như thế nào? Có người nói, phương thức tư duy mới này vẫn là “phương thức tư duy biện chứng”. Nhưng, như Ph.Ăngghen từ lâu đã khuyên chúng ta rằng, cùng với sự phát triển vượt bậc của khoa học tự nhiên, chủ nghĩa duy vật tất nhiên sẽ phải thay đổi hình thức của mình. Khoa học tự nhiên của thế kỷ XX có nhiều phát hiện vượt bậc, tạo nên những bước đột phá to lớn và thay đổi sâu sắc đối với hệ thống lý luận khoa học cũ, lẽ nào “phương thức tư duy biện chứng” đã được hình thành ở thế kỷ XIX lại không “thay đổi hình thức của mình” sao? Trên thực tế, “phương thức tư duy biện chứng” từ lâu đã bắt đầu “thay đổi” “hình thức” và ngày càng thay đổi nhanh chóng. Chẳng qua là kiểu hình thức mới vẫn chưa được hệ thống hoá ở tầm triết học. Hoặc có thể nói, một phương thức tư duy hoàn toàn mới đã bắt đầu hình thành trong giới khoa học kỹ thuật, nhưng vẫn chưa được nâng lên ở tầm triết học. Do vậy, đây chính là vấn đề mà chúng ta ngày nay cần phải nghiên cứu kỹ.

3. Mâu thuẫn do mặt trái giữa thực tiễn sản xuất và thực tiễn khoa học cũng đang kêu gọi phương thức tư duy mới.

Sự phát triển thần tốc của khoa học - kỹ thuật, *một mặt*, đã thúc đẩy sự phát triển mạnh mẽ nền sản xuất xã hội, đáp ứng nhu cầu vật chất và tinh thần của con người; *mặt khác*, cũng bộc lộ nhiều bất cập, biểu hiện trên nhiều mặt. Ví dụ, do sự khai thác tài nguyên bừa bãi, một số tài nguyên không thể tái sinh đã hoặc đang cạn kiệt: môi trường ô nhiễm và xấu đi; mất cân bằng sinh thái; ô nhiễm do chất phóng xạ, đặc biệt là vũ khí hạt nhân... đang uy hiếp nghiêm trọng sự an toàn của con người; chênh lệch giàu nghèo ngày càng lớn; sự

bùng nổ dân số... Tình trạng đó đã trở thành mối đe dọa sự sinh tồn và phát triển của con người. Một nhà khoa học đã nhận xét rất xác đáng rằng, nếu để xu thế này tiếp tục phát triển, giới tự nhiên sẽ nhanh chóng mất đi năng lực nuôi dưỡng con người. Có nhiều nguyên nhân dẫn đến thực trạng này, trong đó một trong những nguyên nhân căn bản là bởi sự lạm dụng khoa học - kỹ thuật của con người.

Khoa học và kỹ thuật bản thân nó là trung tính. Nhưng, khoa học - kỹ thuật đang bị con người thao túng, lạm dụng. Ngành khoa học - kỹ thuật nào được tài trợ càng lớn thì có thể sẽ phát triển càng nhanh. Điều này tự nó đã thể hiện sự lựa chọn của con người. Nhưng không phải tất cả mọi người đều có thể tham gia vào “sự lựa chọn” đó. Những người lựa chọn là những người có tiền, có quyền. Đối với những người này, tiêu chuẩn mà họ dựa vào để lựa chọn là mục tiêu giá trị họ đang theo đuổi (trong điều kiện kinh tế thị trường, trước tiên là lợi nhuận). Do vậy, trong thế giới đang tràn ngập “cường quyền và công lý”, “được làm vua thua làm giặc”, sự phát triển của khoa học - kỹ thuật sẽ không thể là cái được lựa chọn xuất phát từ lợi ích chung của toàn nhân loại. Nhưng, xét về tổng thể, nó vẫn chịu ảnh hưởng bởi quan niệm phát triển của con người. Con người tổ ra phiên diện khi theo đuổi phát triển sức sản xuất, phát triển kinh tế, và đó cũng là nguyên nhân quan trọng tạo thành những mặt trái ở trên. Nhưng, bất kể là nguyên nhân nào đi nữa thì hậu quả của nó cũng liên quan đến lợi ích của toàn nhân loại, không chỉ là lợi ích của con người trên thế giới ngày nay, mà còn là lợi ích của các thế hệ tương lai.

Vì thế, có học giả cho rằng, phát hiện vĩ đại nhất của khoa học thế kỷ XXI là sự phát hiện của con người về nguy cơ sinh tồn của chính mình. Đúng là nhờ có phát hiện này con người mới đưa ra được vấn đề phải duy trì sự phát triển. Nó đòi hỏi con người không chỉ phải chú ý đến lợi ích của chính chúng ta ngày nay, mà còn phải quan tâm đến lợi ích của con cháu mai sau: không phải chỉ quan tâm đến lợi ích của một bộ phận người, của một khu vực nào đó, mà còn phải xem xét trong phạm vi toàn cầu, quan tâm đến lợi ích của tất cả mọi người; nó đòi hỏi con người phải phát triển toàn diện, không chỉ chú ý đến bản thân, mà còn phải quan tâm đến người khác; không phải chỉ theo đuổi hưởng thụ vật chất, mà còn phải theo đuổi những giá trị tinh thần cao thượng. Như vậy, nó cũng đòi hỏi phải phát triển hài hoà, toàn diện các mặt, như kinh tế, xã hội, môi trường, năng lượng, dân số và khoa học - giáo dục. Cũng như vậy, cách giải quyết cuối cùng của nó vẫn phải thông qua sự phát triển hài hoà giữa phát triển khoa học, phát triển sản xuất và thực tiễn chính trị - xã hội. Sắc thái của hình thái ý thức ở đây tuy tương đối mờ nhạt, nhưng lại trực tiếp liên quan đến những mâu thuẫn và điều chỉnh lợi ích đạt được giữa người này với người khác, giữa quốc gia này với quốc gia khác, giữa khu vực này với khu vực khác. Do vậy, trong quá trình thực tiễn, đó là cái không phải lúc nào cũng thuận buồm xuôi gió. Nói cho cùng, sắc thái của hình thái ý thức liên quan đến các vấn đề thế giới quan, quan niệm phát triển, giá trị quan, nhân sinh quan ở chiều sâu trong phương thức tư duy của con người. Nó đòi hỏi con người không phải chỉ xử lý tốt mối quan hệ giữa con

người và tự nhiên, mà còn phải xử lý tốt mối quan hệ giữa con người và con người, xử lý tốt mối quan hệ giữa bản thân và tu dưỡng bản thân.

Tóm lại, những mặt trái mà thực tiễn sản xuất và thực tiễn khoa học mang lại đã giáo dục con người sâu sắc, dẫn dắt con người. Đồng thời, cũng đòi hỏi con người buộc phải xây dựng một kiểu phương thức tư duy mới để xử lý vấn đề này, đối diện với tương lai.

Như đã nói ở trên, bước sang thế kỷ XXI, vì lợi ích căn bản của con người, vì sự sinh tồn và phát triển của con người, đòi hỏi con người phải có một phương thức tư duy mới. Thực tiễn xã hội trong con người của thế kỷ vừa qua với cả những thành công và thất bại đã chuẩn bị những điều kiện để xây dựng phương thức tư duy mới. triết học đương đại có trách nhiệm hoàn thành tốt nhiệm vụ này.

4. Tối ưu hoá phương thức tư duy là một quá trình. Chúng ta cần nghiên cứu kỹ quá trình này để nâng cao hiệu quả của phương thức tư duy của con người.

Phương thức tư duy là một cơ chế vận hành trong hoạt động nhận thức của chủ thể, giữa các phương thức tư duy hiện thực cụ thể không phân chia được đúng sai, nhưng lại phân chia được tốt xấu. Do vậy, bất kỳ một phương thức tư duy nào mà chỉ có nó mới có thể hướng dẫn con người đạt được hiệu quả trong nhận thức và thực tiễn (hoặc nhiều hoặc ít), thì mới có thể trở thành phương thức tư duy hiện thực, mới có thể được chủ thể nhận thức tiếp nhận. Như vậy, sẽ không thể nói một phương thức tư duy nào đó chỉ dẫn đến sai sót, xa rời chủ thể và khách thể, còn một kiểu phương thức tư duy khác lại dẫn đến chân

lý (chân lý đúng đắn) tương đối phù hợp với chủ thể và khách thể. Như vậy, một phương thức tư duy hiện thực không được sai sót. Nhưng, giữa các phương thức tư duy hiện thực lại có cái tốt và cái xấu, có tiên tiến và lạc hậu. Do vậy, khi so sánh một vài phương thức tư duy xem cái nào tốt cái nào xấu, cái nào tiên tiến cái nào lạc hậu, chính là xem cái nào có thể giúp cho chủ thể nhận thức đạt được kết quả tốt hơn và nhanh hơn trên các mặt, như chiều rộng, chiều sâu, độ tinh túy và tốc độ (trong đó có một phương diện hoặc nhiều phương diện) trong hoạt động nhận thức thế giới khách quan. Phương thức tư duy có thể mở rộng chiều sâu của nhận thức, hoặc làm tăng thêm chiều sâu nhận thức, hoặc nâng cao độ tinh túy của nhận thức, hoặc làm tăng thêm tốc độ nhận thức sẽ là một phương thức tư duy tốt hơn. Sau khi xuất hiện, một phương thức tư duy tốt hơn sẽ tiên tiến hơn phương thức tư duy vốn có, cái có trước đây hiển nhiên đã trở thành lạc hậu. Do vậy, nói tốt và xấu, tiên tiến và lạc hậu chỉ là một cách tương đối mà thôi.

Cái gọi là tối ưu hoá phương thức tư duy, *thứ nhất*, nhằm chỉ một loại phương thức tư duy tốt hơn, tiên tiến hơn thay thế phương thức tư duy vốn có. Đây là một kiểu cách mạng, một kiểu thay đổi về chất của phương thức tư duy trên con đường tối ưu hoá. *Thứ hai*, xét về tổng thể trên các mặt cơ bản thì vẫn không thay đổi, mà chỉ thay đổi và điều chỉnh trên phương diện cục bộ, làm cho phương thức tư duy trở nên đầy đủ, hoàn thiện và ưu việt hơn cái vốn có. Đây là một kiểu hình thức lượng đổi hoặc chất đổi cục bộ làm tối ưu hoá phương thức tư duy. Trong lịch sử nhân loại, quá trình tối ưu hoá phương thức tư duy nói

chung đều thông qua lượng đổi và chất đổi cục bộ trước, sau đó mới dẫn đến thay đổi lớn về chất, đạt đến một giai đoạn hoàn toàn mới. Trong giai đoạn mới, phương thức tư duy mới sẽ lại có sự thay đổi mới về lượng và thay đổi về chất cục bộ, tích lũy đến một trình độ nhất định, lại dẫn đến chất đổi mới hơn, đạt đến giai đoạn cao hơn. Sự thay đổi “lập đi lập lại” này diễn ra liên tục và không dừng lại ở một điểm nào hết. Nói cách khác, tối ưu hoá phương thức tư duy là một quá trình.

Nếu tối ưu hoá phương thức tư duy luôn là một quá trình, thì quá trình này cụ thể cuối cùng sẽ ra sao? Đây là vấn đề đòi hỏi chúng ta phải tìm tòi và nghiên cứu. Đặc biệt, cần làm cho phương thức tư duy cụ thể ở mỗi thời đại cụ thể nào đó luôn được tối ưu hoá, có thể xây dựng được một phương thức tư duy thích ứng với yêu cầu của thời đại đó, từ đó làm cho con người có thể nhận thức thế giới khách quan một cách đầy đủ hơn, sâu hơn, tinh túy hơn và nhanh hơn. Tóm lại, điều đó giúp cho con người có được nhận thức phù hợp với bản chất vốn có của sự vật khách quan nhanh hơn và khoa học hơn; phù hợp với yêu cầu phát triển của sự vật khách quan. Đây không chỉ là vấn đề lý luận, mà còn là vấn đề hiện thực rất cụ thể. Nó đòi hỏi con người tốn nhiều công sức. Nếu đầu óc của con người được trang bị bởi phương thức tư duy ưu tú, tiên tiến thực sự, thì năng lực sáng tạo sẽ đạt cực đại, thúc đẩy xã hội phát triển lành mạnh. Do vậy, đối với sự phát triển xã hội của chúng ta ngày nay, vấn đề này có tính bức thiết và mang ý nghĩa thực tiễn rất sâu sắc.□

Người dịch: ThS. TRẦN THUYẾT NGỌC
(Khoa Triết học, Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội)